TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 9- 2023.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

1. Ông Lê Tấn Phát;

2. Bà Đặng Thị Phương Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Hương T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số T, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số T, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ly hôn ngày 20/7/2023, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Hương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H qua thời gian tìm hiểu nhau khoảng 6-7 tháng thì tiến tới chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi sinh

bé nhỏ thì cháu bị bệnh, chị phải đưa cháu đi bệnh viện nhi đồng 1 điều trị, từ đây bắt đầu mâu thuẫn về kinh tế, anh H không đưa tiền cho chị để phụ lo chăm sóc con cái. Ngoài ra, anh H thường xuyên nhậu say sỉn, chửi bới và ghen tuông vô cớ. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 29/6/2005; Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 03/3/2007; Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 12/6/2015; Nguyễn Quốc K, sinh ngày 21/10/2018. Cháu H1 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu nuôi 03 cháu P, cháu K1, cháu K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn- anh Nguyễn Quốc H trình bày:

Anh H thống nhất về thời gian kết hôn, chung sống vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung như chị T trình bày. Anh xác định anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh lớn tiếng la mắng, cự cãi chị T, ngoài ra do vợ chồng anh chị không hòa hợp với nhau trong chuyện quan hệ vợ chồng nên dẫn đến việc chị T đã bỏ nhà đi cách nay 03 tháng. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn rất thương vợ con.

Trường hợp nếu tòa án cho ly hôn, về con chung, anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Ngô Thị Hương T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H; về con chung: Đề nghị giao 03 con chưa thành niên cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị Hương T và anh Nguyễn Quốc H có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Hương T và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét về mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H đều xác định giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn với nhau nguyên nhân xuất phát từ việc anh H chửi mắng, cự cãi với nhau. Chị T trình bày anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh H thì xác định do vợ chồng không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng và anh xác định vợ chồng anh đã sống ly thân hơn 03 tháng nay. Chị T xác định không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, anh H trình bày vẫn còn thương vợ con, muốn xin được đoàn tụ nhưng từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay anh H vẫn không có biện pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ được. Do đó, xác định hôn nhân của anh chị mâu thuẫn T trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét xử cho anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 29/6/2005; Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 03/3/2007; Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 12/6/2015; Nguyễn Quốc K, sinh ngày 21/10/2018. Xét cháu H1 đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu P và cháu K1, cháu K thì cả cháu P và cháu K1 đều có nguyện vọng sống với chị T. Đồng thời, chị T yêu cầu nuôi 03 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con và anh H cũng đồng ý giao các con cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị Hương T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Hương T đối với anh Nguyễn Quốc H.

Chị Ngô Thị Hương T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H; chị T và anh H không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 29/6/2005; Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 03/3/2007; Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 12/6/2015; Nguyễn Quốc K, sinh ngày 21/10/2018.

Ghi nhận cháu Nguyễn Thị Mỹ H1 đã thành niên, không đặt ra giải quyết do anh chị không có yêu cầu.

Giao 03 cháu Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Quốc K cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị Hương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002383 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[6] Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND thành phố Tây Ninh;
-CCTHADS thành phố Tây Ninh;
-Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lan